

Số: /QĐ-ĐHTTr

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Miễn, giảm học phí Học kì II năm học 2024 - 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 361/NQ-HĐTĐHTTr ngày 29/4/2022 của Hội đồng trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 613/NQ-HĐTĐHTT ngày 18/8/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào; Nghị quyết số 719/NQ-HĐTĐHTT ngày 17/7/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Tân Trào về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tân Trào;

Căn cứ Quyết định số 862/QĐ-ĐHTTr ngày 07/11/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành Quy định Công tác sinh viên của Trường Đại học Tân Trào;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thực hiện miễn, giảm học phí Học kì II năm học 2024 - 2025 đối với các sinh viên hệ đào tạo chính quy có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Mức miễn, giảm và số tháng được miễn, giảm học phí đối với các sinh viên nói tại Điều 1 được thực hiện theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục

quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Điều 3. Các Ông (bà) Trưởng phòng Kế hoạch - Tài vụ, Trưởng phòng Quản lý sinh viên, trưởng các đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách nói tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo trường;
- Chủ tịch HĐ trường;
- Như Điều 1; 3 (t/h);
- Lưu: VT, QLSV (Hoài Anh).

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Phạm Duy Hưng

DANH SÁCH
Được miễn, giảm học phí Học kì II năm học 2024 - 2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHTTtr ngày /4/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào)

I. Danh sách sinh viên được miễn học phí

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
1	2157200022	Hà Thị Thu Hiền	12/01/2003	Tày	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng A	2021-2025
2	2157200015	Hoàng Tổ Hải	19/10/2002	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2021-2025
3	2157200019	Lèo Thị Hằng	18/05/2003	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2021-2025
4	2157200003	Hoàng Thị Ngọc Ánh	08/11/2003	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2021-2025
5	2157200057	Ma Thị Hồng Thắm	24/11/2003	Tày	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng A	2021-2025
6	2157200076	Hứa Văn Khanh	06/01/2002	Tày	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng B	2021-2025
7	2257200004	Châu Thị Diễm	12/10/2001	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng	2022-2026
8	2257200039	Nguyễn Thị Bích Duyệt	05/10/2004	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng	2022-2026
9	2257200006	La Thành Đạt	18/10/2004	Tày	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng	2022-2026
10	2257200027	Vũ Như Quỳnh	02/02/2004	Tày	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng	2022-2026
11	2257200008	Hoàng Ngọc Hải	26/09/2004	Kinh	Con Thương binh	Điều dưỡng	2022-2026
12	2357200009	Ma Thị Nhật Lệ	29/06/2005	Tày	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng	2023-2027
13	2357200002	Hoàng Thị Vân Anh	19/08/2005	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng	2023-2027
14	2457200039	Quan Thị Thơm	16/09/2006	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028
15	2457200044	Triệu Thị Tuyên	18/12/2005	Dao	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028
16	2457200001	Bàn Thị Ngọc Ánh	20/10/2006	Dao	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028
17	2457200027	Thào Hoa Mây	27/04/2006	Mông	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028
18	2457200014	Ma Thị Hà	06/06/2006	Tày	Hộ nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028
19	2457200009	Nguyễn Hồng Dương	02/04/2006	Tày	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028
20	2457200007	Ma Thị Diễm	10/06/2006	Tày	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng A	2024-2028
21	2457200091	Triệu Thị Thùy Trang	17/12/2006	Dao	Hộ cận nghèo	Điều dưỡng B	2024-2028
22	2357720006	Bàng Quốc Phong	25/10/2003	Mông	Khuyết tật	ĐH Dược	2023-2028
23	2357720004	Thào A Hùng	05/01/2005	Mông	Hộ cận nghèo	ĐH Dược	2023-2028
24	2457720006	Phạm Thị Quỳnh Như	15/02/2006	Kinh	Khuyết tật	ĐH Dược	2024-2029
25	2153010015	Phù Thị Hoài	17/09/2003	Pà thên	DTTS rất ít người ở vùng ĐBKK	Kế toán	2021-2025
26	2153010034	Trần Thị Thanh Thanh	07/02/2002	Kinh	Con Thương binh	Kế toán	2021-2025
27	2253010029	Ma Thị Thu Hằng	02/01/2004	Tày	Hộ cận nghèo	Kế toán	2022-2026

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
28	2353010025	Dương Hồng Ánh	30/08/2004	Tày	Hộ nghèo	Kế toán	2023-2027
29	2453010066	Triệu Văn Thanh	26/02/2006	Dao	Hộ cận nghèo	Kế toán A	2024-2028
30	2453010035	Chúc Văn Trường	20/6/2006	Dao	Hộ nghèo	Kế toán A	2024-2028
31	2453010065	Hoàng Thị Sơn	27/12/2006	Nùng	Hộ cận nghèo	Kế toán B	2024-2028
32	2154800047	Lý Văn Thành	29/01/1998	Mông	Hộ cận nghèo	CNTT	2021-2025
33	2154800051	Châu Văn Tuấn	27/05/2003	Tày	Hộ nghèo	CNTT	2021-2025
34	2154800014	Nguyễn Minh Đức	20/09/2003	Kinh	Con Thương binh	CNTT	2021-2025
35	2254800058	Nguyễn Văn Trung	25/01/2003	Tày	Hộ cận nghèo	CNTT	2022-2026
36	2254800012	Nông Vĩnh Khải	31/03/2004	Nùng	Khuyết tật	CNTT	2022-2026
37	2354800036	Hoàng Văn Tài	02/11/2005	Tày	Hộ nghèo	CNTT	2023-2027
38	2354800032	Lê Hoàng Phong	24/08/2005	Tày	Hộ cận nghèo	CNTT	2023-2027
39	2354800052	Nguyễn Vĩnh Hưng	12/03/2005	Tày	Hộ nghèo	CNTT	2023-2027
40	2454800014	Bùi Văn Cương	05/08/2006	Tày	Hộ cận nghèo	CNTT	2024-2028
41	2454800037	Ma Trọng Hưng	20/10/2006	Tày	Hộ nghèo	CNTT	2024-2028
42	2454800067	Hoàng Triệu Thái	19/02/2006	Nùng	Hộ cận nghèo	CNTT	2024-2028
43	2454800036	Hoàng Quốc Hưng	11/11/2006	Cao Lan	Hộ cận nghèo	CNTT	2024-2028
44	2454800061	Nông Văn Quân	19/12/2006	Tày	Hộ nghèo	CNTT	2024-2028
45	2253420002	Nguyễn Văn Bình	11/08/2004	Tày	Hộ cận nghèo	QLVH	2022-2026
46	2253420005	Cư Văn Khánh	17/05/2003	Mông	Hộ nghèo	QLVH	2022-2026
47	2353420012	Hoàng Ngọc Hiệu	09/06/2005	Tày	Hộ cận nghèo	QLVH	2023-2027
48	2353420010	Hà Hải Yến	23/04/2004	Tày	Hộ nghèo	QLVH	2023-2027
49	2353420007	Phùng Minh Quân	21/03/2005	Dao	Hộ nghèo	QLVH	2023-2027
50	2453420022	Chúc Thanh Thảo	14/11/2006	Dao	Hộ nghèo	QLVH	2024-2028
51	2453420012	Đặng Quang Huy	22/08/2006	Dao	Hộ nghèo	QLVH	2024-2028
52	2453420028	Hoàng Long Vũ	15/02/2006	Tày	Hộ nghèo	QLVH	2024-2028
53	2251030008	Hòa Thị Thu Viễn	07/12/2003	Tày	Hộ cận nghèo	QTDVDL&LH	2022-2026
54	2351030009	Bùi Hồng Ngọc	22/03/2002	Tày	Con Thương binh	QTDVDL&LH	2023-2027
55	2351030007	Sùng A Minh	20/06/2005	Mông	Hộ nghèo	QTDVDL&LH	2023-2027
56	2351030024	Lý Thị So	25/02/2005	Mông	Hộ nghèo	QTDVDL&LH	2023-2027
57	2451030023	Nguyễn Thị Ngoi	10/04/2006	Tày	Hộ nghèo	QTDVDL&LH	2024-2028
58	2151010001	Mã Văn Dưỡng	11/03/2003	Tày	Hộ nghèo	CTXH	2021-2025
59	2251010002	Nguyễn Trọng Ngọc Bảo	27/12/2003	Kinh	Con Thương binh	CTXH	2022-2026
60	2251010006	Nguyễn Thu Hằng	02/01/2003	Tày	Hộ cận nghèo	CTXH	2022-2026
61	2251050005	Lưu Thu Thảo	28/01/2002	Tày	Hộ nghèo	CTXH	2022-2026

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
62	2251010009	Lê Văn Tài	26/02/2004	Tày	Hộ cận nghèo	CTXH	2022-2026
63	2251010004	Sùng A Giả	18/07/2004	Mông	Hộ nghèo	CTXH	2022-2026
64	2351010012	Lường Phương Đông	01/08/2005	Thái	Hộ nghèo	CTXH	2023-2027
65	2351010011	Nông Thành Tuấn	10/09/2004	Tày	Hộ nghèo	CTXH	2023-2027
66	2351010005	Hoàng Trung Hiếu	29/08/2005	Tày	Hộ nghèo	CTXH	2023-2027
67	2451010026	Lang Thị Quế	14/03/2005	Tày	Hộ nghèo	CTXH	2024-2028
68	2451010024	Nguyễn Thị Phương	22/01/2004	Tày	Hộ cận nghèo	CTXH	2024-2028
69	2451010031	Lương Mạnh Tuấn	14/02/2006	Tày	Hộ nghèo	CTXH	2024-2028
70	2451010028	Ma Thành Thạo	20/08/2006	Tày	Hộ nghèo	CTXH	2024-2028
71	2257310002	Nguyễn Thị Kim Liên	30/01/2004	Tày	Hộ nghèo	Chính trị học	2022-2026

II. Danh sách sinh viên được giảm 70% học phí

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
1	2157200060	Ma Thị Thoan	02/03/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2021-2025
2	2157200009	Hoàng Thị Vinh Đào	28/02/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2021-2025
3	2157200011	Nguyễn Thị Hồng Gấm	10/02/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2021-2025
4	2157200006	Tho Văn Chung	01/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2021-2025
5	2157200041	Phạm Đức Mạnh	04/05/2003	Cao Lan	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2021-2025
6	2157200053	Quan Thanh Tâm	02/10/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2021-2025
7	2157200020	Ma Thị Trung Hậu	14/08/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2021-2025
8	2157200013	Hoàng Văn Hà	27/10/2003	Dao	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2021-2025
9	2257200059	Thôi Thị Thu	11/07/2004	Cao Lan	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026
10	2257200050	Hoàng Thị Nga	05/08/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026
11	2257200047	Châu Thúy Lan	02/09/2002	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026
12	2257200011	Lò Văn Hiếu	04/06/2003	Thái	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026
13	2257200032	Lê Hồng Thu	27/09/2004	Dao	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026
14	2257200018	Phùng Ngọc Lanh	09/07/2002	Nùng	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026
15	2257200049	Vương Cát Lượng	12/12/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2022-2026
16	2357200027	Hoàng Xuân Hậu	08/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
17	2357200040	Lường Hải Tuấn	16/04/2004	Thái	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
18	2357200037	Đinh Văn Tân	06/11/2004	Mường	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
19	2357200019	Nông Thị Thu Trang	11/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
20	2357200036	Ma Thu Phương	08/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
21	2357200031	Nguyễn Thị Đình Hương	16/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
22	2357200039	Quảng Văn Trường	22/02/2004	Thái	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
23	2357200008	Ma Thị Thu Huyền	11/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
24	2357200044	Nông Trường Giang	11/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
25	2357200041	Phạm Hà Đức Tuấn	29/05/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng	2023-2027
26	2457200037	Lò Thị Thiệp	06/09/2006	Thái	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
27	2457200013	Hà Văn Giang	01/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
28	2457200040	Triệu Thị Thủy	19/01/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
29	2457200021	Sùng A Ký	24/09/2006	Mông	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
30	2457200045	Hứa Hiến Vinh	12/11/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
31	2457200038	Ma Ngọc Thoan	23/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
32	2457200029	Hà Thị Hương Na	18/04/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
33	2457200026	Ma Thị Loan	03/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
34	2457200006	Ma Kiên Cường	21/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
35	2457200025	Nông Thùy Linh	28/01/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
36	2457200023	Lục Thị Hoài Linh	05/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng A	2024-2028
37	2457200084	Hoàng Minh Quân	26/06/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Điều dưỡng B	2024-2028
38	2057720004	Lục Thị Hồng Nhung	14/10/2002	Cao Lan	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2020-2025
39	2157720005	Tạ Vân Điệp	14/02/2003	Dao	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2021-2026
40	2157720006	Lâm Thị Hồng Giang	03/12/2003	Dao	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2021-2026
41	2357720008	Hà Kiều Trang	10/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2023-2028
42	2357720011	Bùi Thị Thanh Ngân	12/09/2003	Mường	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2023-2028
43	245720012	Ma Thị Anh Thư	20/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	ĐH Dược	2024-2029
44	2253010016	Tướng Thị Sơn	15/06/2004	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán	2022-2026
45	2253010037	Trương Tam Phong	20/09/2004	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán	2022-2026
46	2253010039	Lương Thị Thơm	10/06/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	Kế toán	2022-2026
47	2353010045	Quan Thị Thủy	09/01/2000	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027
48	2353010003	La Thanh Bình	16/11/2005	Cao Lan	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027
49	2353010031	Nông Minh Quý	02/06/2001	La Chí	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027
50	2353010023	Đặng Trường Vũ	02/07/2005	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán	2023-2027
51	2453010076	La Minh Vũ	04/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán A	2024-2028
52	2453010082	Hoàng Minh Vũ	13/08/2006	Thái	Vùng ĐBKK	Kế toán A	2024-2028
53	2453010038	Đặng Anh Tú	05/12/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán A	2024-2028
54	2453010054	Nguyễn Thị Thu Huyền	25/11/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
55	2453010043	Seo Thành Đạt	04/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028
56	2453010084	Quảng Tiến Dũng	17/11/2006	Thái	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028
57	2453010044	Chu Hương Giang	21/01/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028
58	2453010062	Trần Thị Thảo Nguyên	11/11/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028
59	2453010069	Lương Thị Thủy Tiên	18/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028
60	2453010074	Nguyễn Kim Tuấn	15/10/2006	Tày	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028
61	2453010087	Bàn Phúc Minh	20/03/2006	Dao	Vùng ĐBKK	Kế toán B	2024-2028
62	2154800004	Trần Linh Chi	22/12/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025
63	2154800018	Tề Trung Hiếu	01/11/1997	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025
64	2154800032	Phạm Hoàng Phương Linh	04/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025
65	2154800001	Ma Đình Tuấn Anh	28/04/1999	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025
66	2154800025	Lý Thị Huệ	03/03/2002	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025
67	2154800033	Lý Thành Long	17/09/2003	Dao	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025
68	2154800056	Lục Văn Viễn	08/01/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2021-2025
69	2254800032	La Khánh Duy	01/10/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026
70	2254800028	Ma Hoàng Quốc Việt	13/10/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026
71	2254800030	Ma Công Bình	05/12/2001	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026
72	2254800036	Vi Minh Hiếu	15/08/2000	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026
73	2254800039	Quân Văn Khoa	23/03/2001	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2022-2026
74	2354800022	Hoàng Thanh Hà	01/07/1998	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
75	2354800037	Hoàng Đức Thanh	07/02/2004	Nùng	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
76	2354800050	Nông Văn Dương	05/03/2004	Giáy	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
77	2354800024	Lưu Thanh Huy	12/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
78	2354800016	Vi Văn Dự	08/07/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
79	2354800034	Hứa Minh Quân	08/05/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
80	2354800049	Triệu Hùng Cường	16/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
81	2354800009	Hứa Thế Thành	02/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
82	2354800015	Lành Văn Duy	06/09/2005	Thái	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
83	2354800003	Hoàng Văn Hải	23/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
84	2354800005	Triệu Hải Hoàng	15/12/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2023-2027
85	2454800083	Giàng Xuân Tân	19/11/2006	Mông	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
86	2454800081	Triệu Văn Hưng	21/09/2006	Dao	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
87	2454800065	Nông Xuân Quỳnh	26/09/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
88	2454800045	Hoàng Đức Mạnh	24/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
89	2454800041	Lê Đăng Khoa	16/07/2006	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
90	2454800020	Trần Đức Hải	15/09/2006	Cao Lan	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
91	2454800016	Hoàng Thị Du	11/03/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
92	2454800076	Ma Quốc Việt	22/12/2006	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
93	2454800027	Nông Huy Hoàng	20/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
94	2454800051	Nông Hải Nam	14/08/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
95	2454800082	Nguyễn Trà My	23/03/2006	Dao	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
96	2454800009	Vương Ngọc Châm	15/05/2006	La chí	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
97	2454800043	Đinh Bảo Lâm	15/06/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
98	2454800006	Trương Tuấn Bảo	20/04/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
99	2454800030	Tô Thị Huế	07/12/2005	Cao Lan	Vùng ĐBKK	CNTT	2024-2028
100	2353420017	Bàn Thái Bảo	13/05/2004	Dao	Vùng ĐBKK	QLVH	2023-2027
101	2353420009	Sầm Anh Tuấn	03/08/2005	Nùng	Vùng ĐBKK	QLVH	2023-2027
102	2453420029	Nguyễn Thị Hải Anh	23/05/2004	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
103	2453420005	Tô Thị Ngọc Ánh	02/09/2006	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
104	2453420021	Trần Thanh Sơn	21/04/2006	Cao Lan	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
105	2453420017	Quan Quang Lịch	10/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
106	2453420019	Hà Xuân Nghĩa	15/01/2005	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
107	2453420027	Hoàng Văn Tuyên	28/10/2006	Dao	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
108	2453420025	Ma Thanh Toàn	15/05/2006	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
109	2453420007	Châu Thanh Bằng	26/03/2006	Tày	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
110	2453420020	Phản Minh Oóng	24/04/2006	Dao	Vùng ĐBKK	QLVH	2024-2028
111	2151030004	Đặng Thị Kim Dân	09/11/2003	Dao	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2021-2025
112	2151030013	Bàn Thúy Nga	23/05/2003	Dao	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2021-2025
113	2151030014	Thào A Páo	20/0/2003	Mông	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2021-2025
114	2151030009	Thào A Kho	09/03/2003	Mông	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2021-2025
115	2151030015	Ma Thị Thu Sinh	01/01/2001	Tày	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2021-2025
116	2051030025	Hoàng Văn Thao	27/07/2002	Giáy	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2021-2025
117	2251030003	Nông Thị Thủy Giang	06/03/2004	Tày	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2022-2026
118	2251030007	Mụ Thị Kim Oanh	11/11/2004	Tày	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2022-2026
119	2351030002	Lý Thị Già	01/10/2005	Mông	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2023-2027
120	2451030001	Đặng Thị Lan Anh	24/08/2005	Dao	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028
121	2451030017	Đinh Thị Loan	16/04/2005	Tày	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028
122	2451030014	Phản Thị Lệ	14/02/2006	Dao	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
123	2451030015	Đỗ Thị Diệu Linh	16/08/2006	Tày	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028
124	2451030028	Phùng Thiên Toàn	05/01/2005	Mông	Vùng ĐBKK	QTDVDL&LH	2024-2028
125	2151010005	Hà Linh Vân	17/07/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2021-2025
126	2251010010	Triệu Thị Hoàng Thương	03/08/2004	Dao	Vùng ĐBKK	CTXH	2022-2026
127	2251010003	Nông Thị Duyên	21/01/2004	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2022-2026
128	2351010003	Ma Đình Thành	14/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2023-2027
129	2351010006	Hoàng Phạm Kim Oanh	15/12/2005	Dao	Vùng ĐBKK	CTXH	2023-2027
130	2351010002	Hoàng Văn Quân	23/11/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2023-2027
131	2451010003	Sùng Văn Bằng	28/07/2006	Nùng	Vùng ĐBKK	CTXH	2024-2028
132	2451010025	Nông Minh Quân	18/10/2005	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2024-2028
133	2451010010	Nông Việt Đức	16/02/2003	Tày	Vùng ĐBKK	CTXH	2024-2028
134	2157310001	Mai Bá Bằng	13/01/2003	Tày	Vùng ĐBKK	Chính trị học	2021-2025
135	2257310001	Giàng A Châu	19/02/2004	Mông	Vùng ĐBKK	Chính trị học	2022-2026
136	2151050001	Nguyễn Bá Bảo Chi	01/11/2003	Tày	Vùng ĐBKK	ĐH chăn nuôi	2021-2025
137	2155010003	Ma Tiến Đạt	26/06/2003	Tày	Vùng ĐBKK	QLĐĐ	2021-2025
138	2255010001	Nông Xuân Chiến	15/11/2024	La Chí	Vùng ĐBKK	QLĐĐ	2022-2026

III. Danh sách sinh viên được giảm 50% học phí

STT	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Dân tộc	Đối tượng	Lớp	Khóa
1	2057720005	Dương Thị Diễm Quỳnh	21/09/2002	Kinh	Cha bị tai nạn lao động	ĐH Dược	2020-2025

(Ấn định danh sách có 210 sinh viên)